

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nhật - Định hướng Quản trị - Kinh doanh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	2
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP3041	Tiếng Nhật kinh tế	3	3
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP3074	Kinh tế vi mô	3	3
	JAP3007	Kinh tế Nhật Bản	3	3			<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	<b>6</b>	<b>6</b>
	JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3
		<b>Tự chọn khối III.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	<b>6</b>	<b>6</b>		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		JAP3013	Kĩ năng phân tích và xử lí thông tin	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3			<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)	<b>9</b>	<b>9</b>
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		JAP3027	Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		JAP3043	Tiếng Nhật quản trị - kinh doanh	3	3
		<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)	<b>9</b>	<b>9</b>		JAP3025	Nhập môn luật Nhật Bản	3	3
	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	3		INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3
	BSA2002	Nguyên lí Marketing	3	3					
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3					
	JAP3059	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3					
	JAP3060	Biên dịch Nhật - Việt	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 7	JAP3024	Quản trị doanh nghiệp Nhật Bản	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	
	JAP3075	Kinh tế vi mô	3	3		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V tại HK5, HK6, HK7	6	
		<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	<b>6</b>	<b>6</b>					
	JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3					
	JAP3012	Kĩ năng giao tiếp	3	3					
	JAP3014	Kĩ năng thuyết trình	3	3					
	JAP3015	Kĩ năng viết văn bản	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kĩ năng thuyết trình	3	3					
		<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)	<b>9</b>	<b>9</b>					
	JAP3063	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3					
	JAP3070	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3					
		<b>SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7</b>							

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nhật - Định hướng Quản trị - Kinh doanh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần		
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	2		
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3		
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP3041	Tiếng Nhật kinh tế	3	3		
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP3074	Kinh tế vi mô	3	3		
	JAP3007	Kinh tế Nhật Bản	3	3							
	JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3							
	<b>Tự chọn khối III.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)					<b>6</b>	<b>6</b>	<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)			
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3		
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3		
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		JAP3013	Kĩ năng phân tích và xử lí thông tin	3	3		
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)					
	<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)					<b>9</b>	<b>9</b>	JAP3027	Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành	3	3
	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	3		JAP3043	Tiếng Nhật quản trị - kinh doanh	3	3		
	BSA2002	Nguyên lí Marketing	3	3		JAP3025	Nhập môn luật Nhật Bản	3	3		
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3		
	JAP3059	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3							
	JAP3060	Biên dịch Nhật - Việt	3	3							
	QH.2022 HỌC KỲ 7	JAP3024	Quản trị doanh nghiệp Nhật Bản	3		3	QH.2022 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	
		JAP3075	Kinh tế vi mô	3		3		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V tại HK5, HK6, HK7	6	
<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)				<b>6</b>	<b>6</b>						
JAP2005		Hán tự học tiếng Nhật	3	3							
JAP2012		Văn học Nhật Bản 2	3	3							
JAP3012		Kĩ năng giao tiếp	3	3							
JAP3014		Kĩ năng thuyết trình	3	3							
JAP3015		Kĩ năng viết văn bản	3	3							
ENG3087		Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3							
ENG3088		Kĩ năng thuyết trình	3	3							
<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)				<b>9</b>	<b>9</b>						
JAP3063		Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	3	3							
ENG3089		Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3							
ENG3090		Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3							
JAP3070		Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3							
SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7											

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nhật - Định hướng Biên - Phiên dịch

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP3058	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3					
	JAP3059	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3		<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)		<b>6</b>	<b>6</b>
	JAP3060	Biên dịch Nhật - Việt	3	3		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3
	JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3
	<b>Tự chọn khối III.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK5)		<b>6</b>	<b>6</b>		JAP3013	Kĩ năng phân tích và xử lí thông tin	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)		<b>9</b>	<b>9</b>
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		JAP3002	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		JAP3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		JAP3027	Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành	3	3
	<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)		<b>9</b>			JAP3041	Tiếng Nhật kinh tế	3	3
	JAP3003	Công nghệ trong dịch thuật	3	3		JAP3043	Tiếng Nhật quản trị - kinh doanh	3	3
				JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 7	JAP3054	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	
	JAP3055	Biên dịch nâng cao	3	3		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V tại HK5, HK6, HK7	6	
	<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)		<b>6</b>	<b>6</b>					
	JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3					
	JAP3012	Kĩ năng giao tiếp	3	3					
	JAP3014	Kĩ năng thuyết trình	3	3					
	JAP3015	Kĩ năng viết văn bản	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kĩ năng thuyết trình	3	3					
	<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)		<b>9</b>	<b>9</b>					
	JAP3063	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	3	3					
	JAP3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3					
	JAP3070	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3					
<i>SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7</i>									

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huệ

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nhật - Định hướng Biên - Phiên dịch

Danh cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP3058	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3					
	JAP3059	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3		<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)		<b>6</b>	<b>6</b>
	JAP3060	Biên dịch Nhật - Việt	3	3		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3
	JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3
	<b>Tự chọn khối III.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK5)		<b>6</b>	<b>6</b>		JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)		<b>9</b>	<b>9</b>
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		JAP3002	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		JAP3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		JAP3027	Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành	3	3
	<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)		<b>9</b>			JAP3041	Tiếng Nhật kinh tế	3	3
	JAP3003	Công nghệ trong dịch thuật	3	3		JAP3043	Tiếng Nhật quản trị - kinh doanh	3	3
				JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 7	JAP3054	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	
	JAP3055	Biên dịch nâng cao	3	3		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V tại HK5, HK6, HK7	6	
	<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)		<b>6</b>	<b>6</b>					
	JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3					
	JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3					
	JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
	JAP3015	Kỹ năng viết văn bản	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
	<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)		<b>9</b>	<b>9</b>					
	JAP3063	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	3	3					
	JAP3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3					
	JAP3070	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3					
SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7									

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Hué

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

NGÀNH Sư phạm tiếng Nhật

Danh cho sinh viên có năng lực tiếng Nhật 1

KHOA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHOA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt Ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)</i>	3	3
	JAP2080	Ngoại ngữ B1	5	5		JAP2082	Tiếng Nhật 2A	3	6
	JAP2081	Tiếng Nhật 1A	3	6		JAP2083	Tiếng Nhật 2B	3	6
	JAP2081	Tiếng Nhật 1B	3	6					
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3					
QH.2024 HỌC KỲ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6
	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6
		<b>Tự chọn khối III.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>			<b>Tự chọn khối II.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tim hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tim hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3
FLF1054	Thư pháp	3	3	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		
FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3		
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	2
	PSF3008	Giáo dục học	3	3		PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP3019	Li luận giảng dạy tiếng Nhật	3	3
		<b>Tự chọn khối III.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>			<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> <i>(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/ và HK 7)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		JAP3013	Kĩ năng phân tích và xử lí thông tin	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3			<b>Tự chọn khối V.2</b> <i>(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/ và HK6, HK7)</i>	<b>9</b>	<b>9</b>
		<b>Tự chọn khối V.2</b> <i>(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/ và HK6, HK7)</i>	<b>9</b>	<b>9</b>		JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3
	JAP3048	Văn hóa truyền thống Nhật Bản	3	3					
	JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3					
JAP3059	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3						
JAP3060	Biên dịch Nhật - Việt	3	3						
QH.2022 HỌC KỲ 7	JAP3070	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	
	JAP3010	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V tại HK5, HK6, HK7	6	
		<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> <i>(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/ và HK 7)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>					
	JAP2005	Hàn tự học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3					
	JAP3012	Kĩ năng giao tiếp	3	3					
	JAP3014	Kĩ năng thuyết trình	3	3					
	JAP3015	Kĩ năng viết văn bản	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
		<b>Tự chọn khối V.2</b> <i>(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/ và HK6, HK7)</i>	<b>9</b>	<b>9</b>					
	PSF3009	Tâm lí học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3					
	JAP3071	Thực hành giảng dạy tiếng Nhật	3	3					
	ENG3095	Thực hành thiết kế tài liệu kiểm tra đánh giá	3	3					
	JAP3033	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3					
	JAP3051	Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo	3	3					
	JAP3046	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ	3	3					
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3					
FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy-học ngoại ngữ	3	3						
ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3						
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3						
	<i>SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7</i>								

NGÀNH Sư phạm tiếng Nhật

Đành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
	JAP2090	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 1	5	5		JAP2091	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 2	3	6
	JAP2092	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 1	3	6		JAP2093	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 2	3	6
	INT1004	Tìm học cơ sở 2	3	3					
QH.2024 HỌC KỲ 3	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6
	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6
	<b>Tự chọn khối III.2</b>					<b>Tự chọn khối II.2</b>			
	(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)					(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK4 hoặc HK5)			
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu công đảng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu công đảng Châu Âu	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
FLF1055	Cố học tinh hoa	3	3	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3		
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	PSF3008	Giáo dục học	3	3		PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP3019	Li luận giảng dạy tiếng Nhật	3	3
	<b>Tự chọn khối III.2</b>					<b>Tự chọn khối IV.2.2</b>			
	(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)					(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)			
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		<b>Tự chọn khối V.2</b>			
	(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)					(SV có thể chọn học tại HK3 hoặc/và HK6, HK7)			
	JAP3048	Văn hóa truyền thống Nhật Bản	3	3		JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3
	JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3					
	JAP3059	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3					
JAP3060	Biên dịch Nhật - Việt	3	3						
QH.2022 HỌC KỲ 7	JAP3070	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3	JAP4001	Thực tập	3		
	JAP3010	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V tại HK5, HK6, HK7	6		
	<b>Tự chọn khối IV.2.2</b>				<b>Tự chọn khối IV.2.2</b>				
	(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)				(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)				
	JAP2005	Hàn tự học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3					
	JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3					
	JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
	JAP3015	Kỹ năng viết văn bản	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
	<b>Tự chọn khối V.2</b>				<b>Tự chọn khối V.2</b>				
	(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)				(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc/và HK6, HK7)				
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3					
	JAP3071	Thực hành giảng dạy tiếng Nhật	3	3					
	ENG3095	Thực hành thiết kế tài liệu kiểm tra đánh giá	3	3					
	JAP3033	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3					
	JAP3051	Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo	3	3					
	JAP3046	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ	3	3					
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3					
	FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy-học ngoại ngữ	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3					
SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7				SV chọn học 2 môn tự chọn thay Khóa luận tốt nghiệp trong số khối IV, V tại kì 5, 6 hoặc 7					

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH Ngôn ngữ Nhật

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần		
QH.2025 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3		
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học Ngoại ngữ B1	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		
	JAP2080	Tiếng Nhật 1A	5	5		JAP2082	Tiếng Nhật 2A	3	6		
	JAP2081	Tiếng Nhật 1B	3	6		JAP2083	Tiếng Nhật 2B	3	6		
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3							
QH.2024 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6		
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6		
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6		
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6		
	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2		<b>Tự chọn khối II.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)		<b>6</b>	<b>6</b>		
	<b>Tự chọn khối III.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)					<b>6</b>	<b>6</b>	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu KH	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3		
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3		
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3		
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3		
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3		
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3		
	FLF1054	Thư pháp	3	3							
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3								

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huệ

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH Ngôn ngữ Nhật

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/tuần	
QH.2025 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3	
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học Ngoại ngữ B1	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3	
	JAP2090	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 1	5	5		JAP2091	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 2	3	6	
	JAP2092	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 1	3	6		JAP2093	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 2	3	6	
	JAP2092	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 1	3	6						
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3						
QH.2024 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6	
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6	
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6	
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6	
	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2		<b>Tự chọn khối II.2</b>				
	<b>Tự chọn khối III.2</b>						<b>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)</b>		<b>6</b>	<b>6</b>
	<b>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)</b>			<b>6</b>		<b>6</b>	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu KH	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3	
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3	
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3	
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3	
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3	
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3	
	FLF1054	Thư pháp	3	3						
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO & NGƯỜI HỌC

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Hué

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh